

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-6-2024

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về con chung*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Hùng

Ông Nguyễn Duy Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2023 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2014 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang V; Sinh ngày: 20/7/1975; Địa chỉ cư trú: Số nhà A, ngõ A, đường L, tổ dân phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt

- Bị đơn: Chị Trần Thị V1; Sinh ngày: 08/3/1981; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà A, ngõ A, đường L, tổ dân phố A, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở hiện nay: Buôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Quang V trình bày:

Anh Nguyễn Quang V và chị Trần Thị V1 cưới nhau năm 1999, đến ngày 12/5/2004 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2006 vợ chồng chuyển về tổ A phường T, thành phố H sinh sống, tình cảm vợ chồng khi mới cưới bình thường. Đến năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, chị V1 bỏ về Đắk Lắk sống cùng bố mẹ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Quá trình mâu thuẫn đã được gia đình bạn bè khuyên giải nhưng không thành. Anh V xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh V được ly hôn với chị V1.

Về con chung: Anh Nguyễn Quang V và chị Trần Thị V1 có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thủy Tiên s ngày 05/3/2000, Nguyễn Quang T sinh ngày 05/11/2008, Nguyễn Quang T1 sinh ngày 10/9/2013. Cháu Nguyễn Thị Thủy T2 đã trưởng thành. Anh V có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con Nguyễn Quang T và Nguyễn Quang T1. Anh V không yêu cầu chị V1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con: Anh V có nhà ở sống cùng bố mẹ, có công việc thu nhập ổn định trên 10 triệu đồng đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị V1 trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn thống nhất như trình bày của anh V. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2015 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Văn t chung thủy và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị V1 xác nhận không còn tình cảm với anh V nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh V và chị V1 có 03 con chung như trình bày của anh V. Cháu Nguyễn Thị Thủy T2 đã trưởng thành. Chị V1 đồng ý giao 02 con chung Nguyễn Quang T và Nguyễn Quang T1 cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị V1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quang V được ly hôn với chị Trần Thị V1.

+Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Nguyễn Quang T và Nguyễn Quang T1 cho anh Nguyễn Quang V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Trần Thị V1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Cháu Nguyễn Thị Thủy T2 đã trưởng thành nên sống với ai là quyền của cháu.

+Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Quang V khởi kiện xin ly hôn và giải quyết về nuôi con chung đối với bị đơn chị Trần Thị V1 (có hộ khẩu thường trú tại: thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị V1 đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang V và chị Trần Thị V1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Quang V và chị Trần Thị V1 là hợp pháp. Anh V và chị V1 đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2015 đến nay, anh V xin ly hôn chị V1 đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị V1 đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh V và chị V1 ly hôn là có căn cứ.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Quang V và chị Trần Thị V1 có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thủy Tiên s ngày 05/3/2000, Nguyễn Quang T sinh ngày 05/11/2008, Nguyễn Quang T1 sinh ngày 10/9/2013. Cháu Nguyễn Thị Thủy T2 đã trưởng thành. Theo lời khai của các đương sự, đơn trình bày nguyện vọng của các con, anh V có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Nguyễn Quang T và Nguyễn Quang T1, chị V1 đồng ý giao các con cho anh V nuôi dưỡng, các con có nguyện vọng được sống cùng với bố. Xét anh V có nghề nghiệp và thu nhập, có nhà ở, có thời gian chăm sóc con, từ trước tới nay các con đều sống cùng anh V. Vì vậy, căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung Nguyễn Quang T và Nguyễn Quang T1 cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V không yêu cầu chị V1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn chị Trần Thị V1.

2. **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận cho anh Nguyễn Quang V ly hôn với chị Trần Thị V1.

3. Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Quang V được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Nguyễn Quang T sinh ngày 05/11/2008 và Nguyễn Quang T1 sinh ngày 10/9/2013. Chị Trần Thị V1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Cháu Nguyễn Thị Thủy T2 đã trưởng thành, cháu ở với ai là quyền của cháu.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Quang V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001327 ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Buôn Trấp,
huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền